

viên, người hoạt động cách mạng "tiên khởi nghĩa", người hoạt động kháng chiến) hoặc đối chiếu với hồ sơ, danh sách ở cấp huyện để xác nhận về chức vụ, thời gian hoạt động.

3. Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn căn cứ chứng nhận của Ban liên lạc nhà tù hoặc của 2 người chứng nhận quy định tại điểm 2 mục I trên đây, xem xét dư luận của nhân dân, thái độ chính trị trong thời gian sinh sống ở địa phương để xác nhận vào bản khai của từng người. Sau đó niêm yết công khai danh sách người bị địch bắt tù, đầy kê khai hưởng chế độ và sau 15 ngày thì làm thủ tục thực hiện chế độ theo quy định. Đối với trường hợp có nghi vấn, thắc mắc của quần chúng thì Ủy ban nhân dân xã có trách nhiệm xem xét kết luận. Nếu vẫn còn vướng mắc cần được tiếp tục xem xét thì hướng dẫn người bị tù kê khai có xác nhận và đề nghị của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn và chuyển đến Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện, quận nơi đương sự có hộ khẩu thường trú để Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội làm thủ tục đề nghị Sở Lao động - Thương binh và Xã hội trao đổi với cơ quan công an cùng cấp, cung cấp thông tin. Khi có trả lời của cơ quan công an, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội sẽ xem xét, quyết định việc thực hiện chế độ chính sách với từng trường hợp cụ thể.

II. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cần làm tốt công tác giải thích tuyên truyền, hướng dẫn chu đáo, rộng rãi trong nhân dân và đối tượng chính sách.

Trước ngày 01 tháng 4 năm 2001, các ngành, các địa phương hoàn thành việc quản lý số lượng, lập danh sách những người kê khai hoạt động cách mạng, hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đầy chưa được hưởng chế độ.

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cần thực hiện ngay đối với những trường hợp đã rõ ràng, thủ tục đầy đủ, hợp lệ theo quy định hiện hành.

2. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Những quy định trước đây trái với quy định tại Thông tư này đều bãi bỏ.

Trong quá trình thực hiện Thông tư này, các ngành, các địa phương phản ánh về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội những vướng mắc để kịp thời hướng dẫn giải quyết./.

KT. Bộ trưởng

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

Thủ trưởng

NGUYỄN ĐÌNH LIÊU

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

QUYẾT ĐỊNH số 106/2000/QĐ/BNN-VP
ngày 17/10/2000 ban hành Kế hoạch
xây dựng văn bản quy phạm pháp
luật thuộc thẩm quyền Bộ trưởng
ban hành năm 2001.

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 73/CP ngày 01/11/1995 của Chính phủ quy định nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 101/CP ngày 23/9/1997 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng Bộ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế

hoạch xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn năm 2001.

Điều 2. Căn cứ vào Kế hoạch đã ban hành, các đơn vị thuộc Bộ triển khai việc thực hiện xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Bộ ban hành theo thẩm quyền đúng kế hoạch về số lượng và thời gian.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày ký. Các Chánh Văn phòng Bộ, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp
và Phát triển nông thôn
Thủ trưởng

NGUYỄN VĂN ĐĂNG

**KẾ HOẠCH XÂY DỰNG VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT THUỘC
THẨM QUYỀN BỘ TRƯỞNG BAN HÀNH NĂM 2001**

*(ban hành kèm theo Quyết định số 106/2000/QĐ-BNN-VP ngày 17/10/2000
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).*

Số thứ tự	Tên văn bản	Chủ trì	Phối hợp	Thời gian trình	Ghi chú
1	Thông tư hướng dẫn thực hiện Nghị định sửa đổi Nghị định số 78/CP.	Cục Bảo vệ thực vật		Sau khi sửa đổi Nghị định số 78/CP	
2	Quyết định quy định tổ chức và hoạt động của thanh tra chuyên ngành bảo vệ thực vật.	Cục Bảo vệ thực vật		Quý IV	
3	Quyết định về chức năng, nhiệm vụ cụ thể và tổ chức bộ máy của Cục Bảo vệ thực vật.	Cục Bảo vệ thực vật		Sau khi có quyết định về chức năng, nhiệm vụ của Cục	
4	Quyết định về chức năng, nhiệm vụ cụ thể và tổ chức bộ máy của các đơn vị trực thuộc Cục; các Trạm Kiểm dịch thực vật trực thuộc các Chi cục Kiểm dịch thực vật vùng.	Cục Bảo vệ thực vật		Sau khi có quyết định về chức năng, nhiệm vụ của Cục	
5	Quyết định ban hành danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng, hạn chế sử dụng và cấm sử dụng ở Việt Nam.	Cục Bảo vệ thực vật		Quý I	
6	Quyết định ban hành quy định quản lý nhà nước về hoạt động khử trùng vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật.	Cục Bảo vệ thực vật		Quý IV	
7	Quyết định ban hành danh mục vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật xuất khẩu, nhập khẩu, tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập, quá cảnh nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.	Cục Bảo vệ thực vật		Quý I	
8	Quyết định ban hành quy chế hành nghề thú y.	Cục Thú y		Quý II	
9	Quyết định ban hành quy chế KCS ở các cơ sở sản xuất thuốc thú y.	Cục Thú y		Quý II	
10	Quyết định ban hành quy chế về vùng an toàn dịch bệnh.	Cục Thú y		Quý II	

09660611

11	Quyết định ban hành quy định về phòng, chống bệnh lở mồm long móng.	Cục Thú y	Quý II
12	Sửa đổi quy chế tổ chức hoạt động thanh tra chuyên ngành thú y.	Cục Thú y	Quý II
13	Quyết định ban hành quy định thủ tục về cấp phép khai thác, sử dụng tài nguyên nước theo khoản 6 Điều 9 Nghị định số 179/1999/NĐ-CP).	Cục Quản lý nước và công trình thủy lợi	
14	Quyết định ban hành thủ tục cấp phép và quy định việc ủy quyền cấp phép xả nước thải vào nguồn nước (theo điểm d khoản 5 Điều 5 Nghị định số 179/1999/NĐ-CP).	Cục Quản lý nước và công trình thủy lợi	
15	Thông tư hướng dẫn nội dung để án thăm dò nước dưới đất và nội dung của báo cáo thăm dò đánh giá trữ lượng nước dưới đất.	Cục Quản lý nước và công trình thủy lợi	
16	Quyết định ban hành quy định về bảo vệ nước dưới đất.	Cục Quản lý nước và công trình thủy lợi	
17	Thông tư liên tịch giữa Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Tài chính về thu lệ phí cấp phép thăm dò, khai thác và thăm định báo cáo kết quả thăm dò nước dưới đất.	Cục Quản lý nước và công trình thủy lợi	
18	Tiêu chuẩn về quy trình hướng dẫn xây dựng và ban hành quy trình vận hành điều tiết nước hồ chứa nước (có cửa) (Tiêu chuẩn ngành).	Cục Quản lý nước và công trình thủy lợi	
19	Hướng dẫn lập các tổ chức lưu vực sông ở địa phương.	Cục Quản lý nước và công trình thủy lợi	
20	Thông tư liên tịch giữa Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Ban Tổ chức, Cán bộ Chính phủ quy định về chức năng, nhiệm vụ và tổ chức bộ máy Chi cục Phòng, chống lụt, bão và quản lý đê điều.	Cục Phòng chống lụt bão và quản lý đê điều	Quý IV
21	Thông tư hướng dẫn về tổ chức lực lượng quản lý đê nhân dân.	Cục Phòng chống lụt bão và quản lý đê điều	Quý IV
22	Thông tư liên tịch giữa Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý, sử dụng vật tư dự trữ chống lụt, bão.	Cục Phòng chống lụt bão và quản lý đê điều	Quý IV
23	Thông tư hướng dẫn thực hiện Nghị định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản.	Cục Kiểm lâm	Quý I
24	Quyết định về quy chế quản lý, sử dụng búa bài cây và búa kiểm lâm.	Cục Kiểm lâm	Quý I
25	Chỉ thị về phòng trừ sâu bệnh hại rừng trồng.	Cục Kiểm lâm	Quý I
26	Thông tư hướng dẫn quản lý, sử dụng và lập dự toán kinh phí phòng trừ sâu bệnh hại rừng trồng.	Cục Kiểm lâm	Quý II

27	Quy chế làm việc của Ban Chỉ đạo Phòng cháy chữa cháy rừng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	Cục Kiểm lâm	Quý I
28	Chỉ thị Phòng cháy chữa cháy rừng mùa khô 2001.	Cục Kiểm lâm	Quý I
29	Đề án về đổi mới, kiện toàn lực lượng kiểm lâm thành cảnh sát lâm nghiệp.	Cục Kiểm lâm	Quý I
30	Thông tư hướng dẫn tiêu chuẩn công chức kiểm lâm.	Cục Kiểm lâm	Quý I
31	Quyết định về kiểm lâm địa bàn.	Cục Kiểm lâm	Quý I
32	Thông tư hướng dẫn thực hiện Quyết định số 245/1998/QĐ-TTg ngày 21/12/1998 về thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước của các cấp về rừng và đất lâm nghiệp.	Cục Kiểm lâm	Quý III
33	Thông tư liên tịch giữa Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Công an về việc phối hợp hai lực lượng kiểm lâm - công an trong quản lý bảo vệ rừng.	Cục Kiểm lâm	Quý III
34	Thông tư liên tịch giữa Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Giao thông vận tải về việc phối hợp giữa hai lực lượng kiểm lâm - giao thông trong lĩnh vực quản lý và bảo vệ rừng.	Cục Kiểm lâm	Quý IV
35	Thông tư liên tịch giữa Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ - Bộ Tài chính về chế độ phụ cấp cho kiểm lâm.	Cục Kiểm lâm	Quý II
36	Thông tư liên tịch giữa Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Quốc phòng về việc phối hợp giữa hai lực lượng kiểm lâm và dân quân tự vệ trong lĩnh vực bảo vệ và phát triển rừng.	Cục Kiểm lâm	Quý II
37	Thông tư liên tịch giữa Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Bộ Tài chính về hướng dẫn thi hành Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về quy chế quản lý ba loại rừng.	Cục Phát triển lâm nghiệp	Quý IV
38	Thông tư liên tịch giữa Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Bộ Tài chính về hướng dẫn sửa đổi, bổ sung thực hiện Quyết định 661 điều chỉnh của Chính phủ.	Cục Phát triển lâm nghiệp	Quý IV
39	Quyết định về việc ban hành tiêu chuẩn và chất lượng quy cách gỗ tròn, gỗ xẻ trong khai thác và chế biến.	Cục Phát triển lâm nghiệp	Quý IV
40	Quyết định về việc ban hành quy trình kỹ thuật trong thiết kế khai thác, thẩm định rừng và thẩm định hồ sơ thiết kế khai thác rừng.	Cục Phát triển lâm nghiệp	Quý III
41	Quy trình kỹ thuật trồng rừng phòng hộ.	Cục Phát triển lâm nghiệp	Quý II

42	Suất đầu tư trồng rừng đặc dụng và rừng phòng hộ.	Cục Phát triển lâm nghiệp	Quý I
43	Định mức kinh tế - kỹ thuật trong khâu quản lý, bảo vệ và xây dựng rừng.	Cục Phát triển lâm nghiệp	Quý I
44	Quyết định về việc ban hành quy chế phân công, phân cấp quản lý dự án đầu tư và xây dựng thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý.	Vụ Đầu tư xây dựng cơ bản	Quý II
45	Thông tư hướng dẫn Quy chế Đấu thầu ban hành kèm theo Nghị định số 88/1999/ND-CP và Nghị định số 14/2000/ND-CP.	Vụ Đầu tư xây dựng cơ bản	Quý I
46	Quyết định về việc ban hành mẫu hồ sơ mời thầu và hướng dẫn sử dụng.	Vụ Đầu tư xây dựng cơ bản	Quý I
47	Thông tư hướng dẫn hoạt động và triển khai công tác an ninh lương thực trên địa bàn tỉnh.	Vụ Kế hoạch và quy hoạch	Quý III
48	Thông tư liên tịch giữa Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Tổng cục Thống kê về phân công, phân cấp phối hợp giữa thống kê Bộ và thống kê Nhà nước.	Vụ Kế hoạch và quy hoạch	Quý I
49	Chỉ thị về việc tăng cường công tác thống kê trong toàn ngành.	Vụ Kế hoạch và quy hoạch	Quý I
50	Quyết định ban hành hệ thống biểu mẫu báo cáo thống kê ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn.	Vụ Kế hoạch và quy hoạch	Quý I
51	Quyết định ban hành quy chế làm việc với khách nước ngoài của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	Vụ Hợp tác quốc tế	Quý II
52	Quyết định về chính sách cho thuê đất rừng sử dụng, rừng phòng hộ kinh doanh cảnh quan du lịch sinh thái.	Vụ Chính sách	Quý III
54	Thông tư hướng dẫn thực hiện Nghị định bảo hộ giống cây trồng.	Vụ Khoa học công nghệ	Quý I
55	Thông tư hướng dẫn thực hiện Nghị định quản lý phân bón.	Vụ Khoa học công nghệ	Quý I
56	Quy chế quản lý chất lượng xây dựng cơ bản thủy lợi	Vụ Khoa học công nghệ	Quý II
57	Quy chế bảo vệ môi trường ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn.	Vụ Khoa học công nghệ	Quý II
58	Quy chế quản lý công nghệ ngành.	Vụ Khoa học công nghệ	Quý III
59	Xây dựng đơn giá tiền lương cho các hạng mục công việc thuộc các công trình điều tra quy hoạch rừng.	Viện Điều tra quy hoạch rừng	Quý II
60	Xây dựng định mức lao động và tiêu hao vật tư thuộc chương trình điều tra, đánh giá và theo dõi diễn biến tài nguyên rừng toàn quốc thời kỳ 2001 - 2005.	Viện Điều tra quy hoạch rừng	Quý IV
61	Quyết định ban hành quy định về xuất nhập khẩu giống và sản phẩm giống vật nuôi.	Cục Khuyến nông khuyến lâm	Quý III
62	Quyết định ban hành quy định về quản lý và sử dụng lợn đực giống.	Cục Khuyến nông khuyến lâm	Quý III

* Đề nghị bổ sung:

1. Các Quyết định về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của các Cục, Vụ, Thanh tra, Văn phòng (Vụ Tổ chức cán bộ).

2. Quyết định ban hành tiêu chuẩn khoa học công nghệ của ngành (Vụ Khoa học công nghệ và chất lượng sản phẩm)./.

KT. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và
Phát triển nông thôn
Thứ trưởng

NGUYỄN VĂN ĐĂNG

BỘ TÀI CHÍNH

**QUYẾT ĐỊNH số 172/2000/QĐ-BTC
ngày 01/11/2000 về việc ban hành
Quy định về mã số đối với các
đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước.**

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 20/3/1996 và Nghị định số 87/CP ngày 19/12/1996 của Chính phủ quy định chi tiết việc phân cấp quản lý, lập, chấp hành và quyết toán ngân sách nhà nước;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ngân sách nhà nước số 06/1998/QH10 ngày 20/5/1998 và Nghị định số 51/1998/NĐ-CP ngày 18/7/1998 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 87/CP ngày 19/12/1996 của Chính phủ quy định chi tiết việc phân cấp quản lý, lập, chấp hành và quyết toán ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 15/CP ngày 02/3/1993 của Chính phủ quy định nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 178/CP ngày 28/10/1994 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy Bộ Tài chính;

Xét đề nghị của Vụ trưởng - Trưởng Ban Quản lý ứng dụng tin học, Vụ trưởng Vụ Ngân sách nhà nước, Vụ trưởng Vụ Tài chính hành chính sự nghiệp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về mã số đối với các đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Hệ thống mã số đối với các đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước sẽ được sử dụng thống nhất trong cả nước bắt đầu từ ngày 01 tháng 1 năm 2002.

Điều 3. Các đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước thuộc Quốc hội, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các cơ quan Đảng, cơ quan Trung ương các đoàn thể, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm tổ chức thi hành Quyết định này./.

Bộ trưởng Bộ Tài chính

NGUYỄN SINH HÙNG

**QUY ĐỊNH về mã số đối với các đơn
vị sử dụng ngân sách nhà nước**

(ban hành kèm theo Quyết định số 172/2000/QĐ-BTC ngày 01/11/2000 của Bộ trưởng Bộ Tài chính).

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước